TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2024 /HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 6 – 2023 .
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết, ông Y Ník Êban

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Xuân Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Cao Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 85/2024/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024. Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXX-ST, ngày 15/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 31/5/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1981. Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn 7, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- **Bị đơn**: Ông Diêm Đăng Đ, sinh năm: 1978. Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2024, các lời khai trong quá trình thu thập, chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà C và ông Diêm Đăng Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/01/2004, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, có những lúc không kiềm chế được vợ chồng xúc phạm, xô xát nhau, đến tháng 4/2023 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn bà C đã làm đơn ly hôn nộp tại Tòa án, nhưng vì thương hai con bà C rút lại đơn kiện để tạo cho ông Đ thêm cơ hội để sửa chữa nhưng từ đó đến nay vợ chồng thường xuyên rảy ra xô xát và đã sống ly thân từ tết nguyên đán năm 2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi. Bà C nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do vậy bà C đề nghị Tòa án giải quyết cho bà C được ly hôn với ông Diêm Đăng Đ.

- **Về con chung:** Trong thời gian chung sống chúng tôi có 02 con chung, cháu tên là Diêm Đăng Q, sinh ngày: 27/6/2005 và Diêm Đăng N, sinh ngày: 15/5/2011. Do cháu N có nguyện vọng ở với bố là ông Đ nên bà C đồng ý giao con chung Diêm Đăng N cho ông Đ nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên Tòa án giải quyết; Riêng con chung là Diêm Đăng Q, sinh ngày: 27/6/2005, đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- **Về tài sản chung và công nợ chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai và tại các lời khai trong quá trình giải quyết bị đơn ông Diêm Đăng Đ trình bày:** Ông Đ và bà C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 05/01/2004 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn khoảng 5 đến 6 năm trở lại đây, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, do áp lực của công việc sau khi đi làm về dẫn đến vợ chồng rất nhiều lần mâu thuẫn nhau, đến tháng 4/2023 vợ chồng tiếp tục to tiếng với nhau và vợ bỏ nhà đi khoảng 20 ngày rồi quay về, đến tết nguyên đán năm 2024 vợ tôi

nói nhà có tang bà Ngoại (là mẹ vợ mất) nên cô ấy không đi đâu, không qua nhà bố mẹ tôi mà lại đi sang nhà hàng xóm chơi, sau đó tôi với vợ to tiếng với nhau rất nhiều lần. Đến ngày 16 tháng giêng âm lịch vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn nhau, trong lúc cãi nhau thì hai bên có xảy ra xô xát, vợ tôi cầm cái cây, không may trúng vào mắt chảy máu, khi đó cả xóm cũng biết và vợ tôi đã bỏ đi từ đó đến nay, mỗi người sống một nơi. Nay vợ tôi làm đơn ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn, vì tôi thấy vợ chồng nào cũng có mâu thuẫn, xô xát nhau trong cuộc sống, mong vợ tôi suy nghĩ lại để vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 02 con chung cháu tên là Diêm Đăng Q, sinh ngày: 27/6/2005 và Diêm Đăng N, sinh ngày: 15/5/2011. Nguyện vọng của ông Đ về con chung nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi ly hôn thì ông Đ có nguyện vọng xin nuôi cháu N cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Riêng con chung là Diêm Đăng Q, sinh ngày: 27/6/2005 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung và công nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau khi thụ lý Toà án đã tiến hành mở phiên họp và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng do nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và bị đơn ông Diêm Đăng Đ không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Toà án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, nguyên đơn, đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS. Tuy nhiên bị đơn ông Diêm Đăng Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72, Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Diêm Đăng Đ; Về con chung: Giao con chung Diêm Đăng N, sinh ngày: 15/5/2011 cho ông Diêm Đăng Đ nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; Đối với con chung là Diêm Đăng Q, sinh ngày: 27/6/2005, đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về án phí nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Xét về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, ghi ngày 26/02/2024, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy bị đơn ông Diêm Đăng Đ, cư trú tại thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Toà án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn ông Đ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo tham gia phiên tòa nhưng ông Diêm Đăng Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Diêm Đăng Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 05/01/2004 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo xác minh tại địa phương cũng như lời khai của ông Đ, bà C thì trong thời gian sống chung vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã, đánh đập lẫn nhau, bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và ông Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn một phần cũng do áp lực công việc sau khi ông đi làm về thì ông có to tiếng với vợ rất nhiều lần. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị C và ông Diêm Đăng Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống bà C ông Đ có 02 con chung là Diêm Đăng Q, sinh ngày: 27/6/2005 và Diêm Đăng N, sinh ngày: 15/5/2011. Quá trình giải quyết vụ án ông Diêm Đăng Đ có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung là Diêm Đăng N, sinh ngày: 15/5/2011. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con chung của ông Đ phù hợp với nguyện vọng của con chung Diêm Đăng N và được bà C chấp nhận. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Diêm Đăng N, sinh ngày: 15/5/2011 cho ông Diêm Đăng Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Đối với con chung là Diêm Đăng Q, sinh ngày: 27/6/2005, đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000230 ngày 12/03/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Diêm Đăng Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Diêm Đăng N, sinh ngày: 15/5/2011 cho ông Diêm Đăng Đ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Đối với con chung là Diêm Đăng Q, sinh ngày: 27/6/2005, đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra giải quyết.

Bà Nguyễn Thị C được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, ông Diêm Đăng Đ không được quyền cản trở, tuy nhiên bà C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu. Do đó, HĐXX không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000230 ngày 12/03/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn ông Diêm Đăng Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- *Các đương sự;*
-*UBND xã M;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Võ Thị Mai